

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN

**PHÁT TRIỂN CÂY KEO LAI TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN THẮNG, BÌNH ĐỊNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Hiệp**

Phản biện 1: **PGS.TS Võ Xuân Tiến**

Phản biện 2: **PGS.TS. Phạm Thanh Khiết**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 7 tháng 6 năm 2012.

**. Có thể tìm luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ thực tiễn trồng cây keo lai và mong muốn góp phần tham mưu cho lãnh đạo huyện, đặc biệt là ngành nông nghiệp về phát triển cây keo lai một cách hiệu quả để góp phần tăng thu nhập, giải quyết việc làm tại địa phương, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường tôi đã lựa chọn đề tài “phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam” làm luận văn tốt nghiệp chương trình Cao học chuyên ngành Kinh tế phát triển của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về phát triển cây công nghiệp; để đánh giá thực trạng trồng cây keo lai tại huyện Thăng Bình; đề xuất các giải pháp nhằm phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển cây công nghiệp, cây keo lai.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các xã thuộc huyện Thăng Bình.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp quan sát: tác giả đi thực tế một số tiểu khu để quan sát diện tích trồng keo lai hiện có của các hộ gia đình, các dự án phát triển rừng sản xuất trên địa bàn huyện.

- Phương pháp thu thập số liệu: tác giả liên hệ trực tiếp Hạt kiểm lâm Thăng Bình và các cơ quan hữu quan huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam để cập nhật những số liệu liên quan đến diện tích, qui mô, hiệu quả, thu hút và giải quyết việc làm mà cây keo lai mang

lại. Đồng thời thu thập số liệu về tiêu thụ sản phẩm từ keo lai trên địa bàn huyện và các địa phương lân cận.

- Sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp: trên cơ sở các số liệu và thông tin thu thập được, tác giả đánh giá, phân tích, so sánh và tham khảo ý kiến các chuyên gia để đưa ra các kết luận.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Dựa vào lý thuyết kinh tế phát triển, lý thuyết phát triển cây công nghiệp, đề tài đã xây dựng lý thuyết về phát triển cây keo lai; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; các giải pháp phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

6. Cấu trúc của luận văn

Chương 1: Các vấn đề lý luận về phát triển cây công nghiệp

Chương 2: Thực trạng phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Một số giải pháp phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CÔNG NGHIỆP

1.1. Tổng quan về phát triển cây công nghiệp

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Cây công nghiệp

Cây công nghiệp là cây cho sản phẩm làm nguyên liệu trong công nghiệp chế biến. Cây công nghiệp có hai loại: Cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm.

1.1.1.2. Phát triển

1.1.1.3. Phát triển cây công nghiệp

Phát triển cây công nghiệp là quá trình phát triển theo hướng tăng lên của năng suất cây trồng công nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị hàng hóa ngày càng cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý, trong khi hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến cơ cấu cây trồng khác (đặc biệt là cây lương thực), ảnh hưởng đến môi trường và tác động không tích cực do chính quá trình phát triển đó đưa lại.

1.1.2. Ý nghĩa của phát triển cây công nghiệp

Phát triển cây công nghiệp có ý nghĩa to lớn trong việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, sử dụng hiệu quả lao động nông thôn, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và nguồn hàng cho xuất khẩu. Đặc biệt phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp còn góp phần phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng, phát triển kinh tế - xã hội của các vùng núi, trung du và cao nguyên, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước.

1.2. Nội dung của phát triển cây công nghiệp

1.2.1. Phát triển cây công nghiệp về kinh tế

1.2.1.1. Phát triển cây công nghiệp gắn với tăng trưởng về qui mô

- *Qui mô diện tích:* diện tích cây công nghiệp tăng cùng với quá trình phát triển cây công nghiệp.

- *Qui mô sản lượng:* sản lượng cây công nghiệp tăng cùng với quá trình phát triển cây công nghiệp.

- *Qui mô lao động:* lao động được thu hút từ phát triển cây công nghiệp tăng.

- *Qui mô các dịch vụ phục vụ phát triển cây công nghiệp:* các dịch vụ phục vụ phát triển cây công nghiệp ngày càng gia tăng về số lượng và giá trị.

1.2.1.2. Phát triển cây công nghiệp gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế hợp lý

Qui hoạch tổng thể phát triển cây công nghiệp phải chú trọng đến cơ cấu cây trồng, đặc biệt phát triển cây công nghiệp không làm ảnh hưởng đến cơ cấu cây lương thực, cây lâm nghiệp, cây ăn quả trong phát triển nông nghiệp nói chung và phát triển, bảo vệ rừng nói riêng.

1.2.1.3. Phát triển cây công nghiệp gắn liền với sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Nguồn lực phát triển cây công nghiệp bao gồm: Đất, lao động, vốn, kỹ thuật, quản lý

1.2.1.4. Phát triển cây công nghiệp gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế là vấn đề quan trọng quyết định trong phát triển cây công nghiệp. Cây công nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao trong việc cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến, cung cấp nguồn hàng cho xuất khẩu,... vậy trong phát triển cây công nghiệp phải đặt mục tiêu hiệu quả kinh tế làm mục tiêu trọng tâm.

1.2.1.5. Phát triển cây công nghiệp gắn với phát triển chủng loại sản phẩm và thị trường tiêu thụ

Muốn phát triển cây công nghiệp đạt hiệu quả cao phải tập trung công tác phát triển thị trường tiêu thụ. Không những quan tâm đến thị trường trong nước, thị trường truyền thống mà phải hướng đến các thị trường rộng lớn, mở rộng và chinh phục được các thị trường khó tính như thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, ...

1.2.2. Phát triển cây công nghiệp về xã hội

1.2.2.1. Phát triển cây công nghiệp gắn với giải quyết việc làm

Trong phát triển cây công nghiệp phải đảm bảo giải quyết được bao nhiêu con số lao động cho địa phương, mỗi năm tạo ra được bao nhiêu việc làm mới từ phát triển cây công nghiệp trên địa bàn.

1.2.2.2. Phát triển cây công nghiệp gắn với thực hiện công bằng xã hội

Tức là phải đảm bảo công bằng cho các thành phần kinh tế tham gia trong phát triển cây công nghiệp.

1.2.2.3. Phát triển cây công nghiệp gắn với tăng thu nhập

Trong phát triển cây công nghiệp phải quan tâm đến nâng cao thu nhập cho người lao động

1.2.2.4. Phát triển cây công nghiệp gắn với xóa đói, giảm nghèo

Phát triển cây công nghiệp phải xác định cụ thể tỷ lệ hộ đói, hộ nghèo sẽ giảm trong những giai đoạn nhất định. Phát triển cây công nghiệp có thể lồng ghép với các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo chính quyền Trung ương, địa phương và các chương trình, dự án hỗ trợ của các Chính phủ các nước.

1.2.3. Phát triển cây công nghiệp về môi trường

1.2.3.1. Phát triển cây công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

Phát triển cây công nghiệp phải quan tâm đến bảo vệ môi trường sinh thái. Không gây hủy hoại môi trường, mà phải hướng đến cải thiện môi trường.

1.2.3.2. Phát triển cây công nghiệp gắn với bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên nước

Phát triển cây công nghiệp phải đảm bảo không làm xấu đi nguồn lực đất và nước. Đất và nước là hai nguồn lực quan trọng của phát triển nông nghiệp nói riêng phát triển xã hội nói chung.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển cây công nghiệp

1.3.1. Các nhân tố về tự nhiên

Vị trí địa lý, địa hình, thời tiết, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên.

1.3.2. Các nhân tố về kinh tế

Tình hình phát triển kinh tế, cơ cấu GDP và vốn đầu tư, cơ sở hạ tầng, cơ cấu sử dụng đất, chính sách phát triển nông nghiệp, công nghiệp, chính sách phát triển cây công nghiệp.

1.3.3. Các nhân tố về xã hội

Qui mô dân số, lực lượng lao động, tập quán xã hội, truyền thống văn hóa

1.3.4. Nhân tố kỹ thuật

Kỹ thuật vừa ảnh hưởng đến đầu vào vừa ảnh hưởng đến đầu ra của quá trình phát triển cây công nghiệp.

1.3.5. Nhân tố thị trường

Thị trường ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển cây công nghiệp. Nói đến yếu tố thị trường chính là nói đến khâu giải quyết đầu ra cho phát triển cây công nghiệp.

1.4. Tình hình phát triển một số cây công nghiệp ở Việt Nam

1.5. Tổng quan về cây keo lai

1.5.1. Đặc điểm cây keo lai

Cây keo lai có tên khoa học là *Acacia hybrid* – là tên gọi tắt để chỉ giống lai tự nhiên giữa keo tai tượng (*Acacia Mangium*) và keo lá tràm (*Acacia Auriculiformis*), được tuyển chọn từ những cây đầu dòng có năng suất cao. Cây keo lai có rễ có nhiều nốt sần chứa vi khuẩn cố định đạm (*rhizobium*) nên có khả năng lớn về cải tạo đất, tán lá keo lai phát triển cân đối, rễ phát triển sâu, cây cao đến 30m, đường kính lên đến 60-80cm. Cây keo lai thích nghi tốt hầu hết ở các dạng đất, có khả năng chịu đựng khô hạn, có tác dụng chống xói

mòn, chống cháy rừng, cải thiện môi trường sinh thái. Ở Việt Nam, keo lai được trồng rộng rãi trên toàn quốc, nhưng chủ yếu là ở các tỉnh từ Quảng Bình trở vào.

1.5.2. Vai trò của cây keo lai trong phát triển kinh tế địa phương

Keo lai được đánh giá là một loại cây mang lại giá trị kinh tế cao. Gỗ keo làm nguyên liệu cho nhà máy sản xuất giấy, ván dăm, ván nhân tạo, làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu và đang được thị trường ưa chuộng. Đặc biệt đối với keo lai có độ tuổi từ 14 – 15 năm sẽ cho gỗ có giá trị cao trong làm mộc, xẻ ván, Cây keo lai, ngoài nguồn lợi trực tiếp thu được từ sản phẩm gỗ, còn có giá trị cải thiện môi trường sinh thái, cải tạo đất - nhất là đối với những vùng đất nhiễm phèn, chống xói mòn, rửa trôi đất, hạn chế thiên tai, lũ lụt. Cây keo lai còn góp phần tạo thêm môi trường xanh sạch, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí do ngành công nghiệp gây ra, giảm thiểu nguy cơ cháy rừng trong mùa khô.

Kết luận chương 1

Chương 1 đã trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển cây công nghiệp và giới thiệu tổng quan về một cây công nghiệp cụ thể đó chính là cây keo lai. Đề tài đã nghiên cứu lý thuyết về phát triển cây công nghiệp. Đề tài đã làm rõ được thể nào là phát triển cây công nghiệp, nội dung của phát triển cây công nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cây công nghiệp.

Trong các vấn đề lý luận về phát triển cây công nghiệp thì đề tài quan tâm nhiều nhất đến nội dung của phát triển cây công nghiệp. Đây chính là nội hàm của phát triển cây công nghiệp.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY KEO LAI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Thăng Bình ảnh hưởng đến phát triển cây keo lai

2.2.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Thăng Bình là huyện đồng bằng thuộc vùng Duyên hải miền Trung nằm cách thành phố Đà Nẵng 50 Km về phía Nam; có quốc lộ 1A (Bắc – Nam) và quốc lộ 14E (phía Tây) đi qua; có trên 25Km đường Thanh niên ven biển..

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Huyện Thăng Bình có tổng diện tích tự nhiên: 38.560 ha, bằng 1/27 lần tổng diện tích tự nhiên của tỉnh và đứng thứ 12 các huyện, thành phố thuộc tỉnh, được chia thành 22 đơn vị hành chính gồm: 21 xã và 1 Thị trấn (số đơn vị hành chính cấp xã lớn nhất tỉnh Quảng Nam). Dân số huyện đạt 192.836 người (đứng thứ nhì tỉnh Quảng Nam), trong đó nữ chiếm 51,2% tổng dân số, bình quân mỗi năm dân số huyện Thăng Bình tăng lên là 0,66%; mật độ dân số bình quân 500 người/km²; dân số ít có sự dịch chuyển từ nông thôn sang thành thị, dân số trong độ tuổi lao động chiếm 50% tổng dân số, trong đó lao động ngành nông nghiệp chiếm 84,4% trong tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế. Đời sống của nhân dân ở khu vực nông thôn còn nhiều khó khăn, một mặt do ảnh hưởng của thiên tai như hạn hán, lũ lụt, mặt khác, do trình độ người dân thấp, thiếu vốn, thiếu thông tin, thiếu kinh nghiệm sản xuất.

Bảng 2.3. Các đơn vị hành chính của huyện Thăng Bình

STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích (ha)	Dân số (người)
1	TT. Hà Lam	1.170	17.091

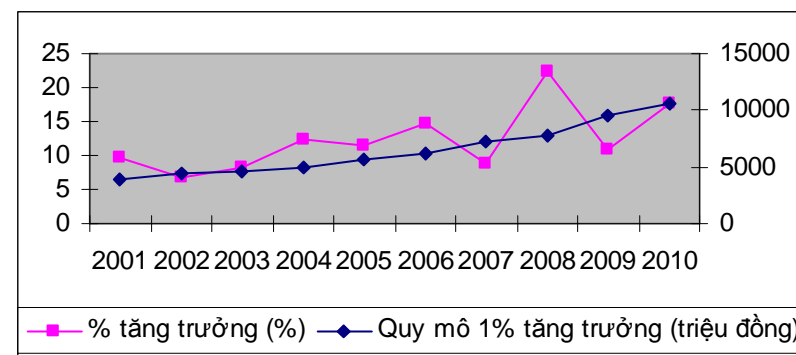
STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích (ha)	Dân số (người)
2	Xã Bình Dương	2.050	7.344
3	Xã Bình Giang	1.713	10.017
4	Xã Bình Nguyên	727,08	6.652
5	Xã Bình Phục	1.810	8.832
6	Xã Bình Triều	1.263,10	9.701
7	Xã Bình Đào	1.150,38	7.721
8	Xã Bình Minh	1.180	7.108
9	Xã Bình Lãnh	1.923	6.596
10	Xã Bình Trị	1.986	7.676
11	Xã Bình Định Bắc	1.452	4.883
12	Xã Bình Định Nam	1.678	5.274
13	Xã Bình Quý	2.700	13.225
14	Xã Bình Phú	2.665	4.614
15	Xã Bình Chánh	1.468	4.330
16	Xã Bình Tú	2.000	12.934
17	Xã Bình Sa	2.034	6.927
18	Xã Bình Hải	1.247	5.931
19	Xã Bình Quế	1.553,12	7.208
20	Xã Bình An	2.160	12.282
21	Xã Bình Trung	1.915,39	11.830
22	Xã Bình Nam	2.612	8.704

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Thăng Bình năm 2010

Bảng 2.3 cho biết huyện Thăng Bình có 22 đơn vị hành chính trong đó gồm 21 xã và một thị trấn. Trung tâm huyện nằm ở thị trấn Hà Lam, với kinh tế chính là thương mại, dịch vụ.

Cùng với sự phát triển đi lên của cả nước, trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội ở huyện đã có những bước phát triển vượt bậc, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp – thương mại, dịch vụ; hiệu quả sản xuất nông nghiệp từng bước được nâng lên. Tổng giá trị ngành kinh tế trên địa bàn năm 2000 là 394,733 tỷ đồng. Mặc dù như vậy, trong những năm gần đây, kinh tế đã từng bước ổn định và phát triển, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, ổn định đời sống nhân dân, tổng giá trị ngành kinh tế trên địa bàn năm sau cao hơn năm trước. Đến năm 2005 toàn huyện đạt 625,535 tỷ đồng và năm 2010 là 1245 tỷ đồng gấp gần 3,2 lần so với năm 2000.

Tỷ lệ tăng trưởng có sự thay đổi và biến động nhiều qua các năm. Năm 2001 đạt tỷ lệ tăng trưởng là 9,65%, năm 2002 tỷ lệ tăng trưởng thấp hơn chỉ là 6,73%. Riêng năm 2008, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua (22,28%), vào năm 2010, năm cuối của kế hoạch 2006 – 2010 GDP đạt tốc độ tăng trưởng là 17,67%.



Hình 2.2. Đồ thị % tăng trưởng và quy mô 1% tăng trưởng

qua các năm (2001-2010)

2.2. Thực trạng phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

2.2.1. Thực trạng phát triển cây keo lai về kinh tế

2.2.1.1. Tăng trưởng về qui mô

- Về qui mô diện tích:

Bảng 2.5. Diện tích trồng keo theo dự án rừng sản xuất

<i>TT</i>	<i>NĂM</i>	<i>ĐƠN VỊ</i>	<i>DIỆN TÍCH (ha)</i>	<i>CÂY TRỒNG</i>	<i>GHI CHÚ</i>
1	2007	Bình An	19.10	Keo	
		Bình Quế	20.00	Keo	
		Bình Quý	50.20	Keo	
	Cộng		89.30	Keo	
2	2008	Bình Giang	7.40	Keo	
		Bình Hải	7.60	Keo	
		Bình Nam	7.70	Keo	
		Bình Quý	16.40	Keo	
		Bình Sa	21.40	Keo	
		TT. Hà Lam	6.60	Keo	
	Cộng		66.10	Keo	
3	2009	Bình Chánh	3.60	Keo	
		Bình Lãnh	3.00	Keo	
		Bình Quế	28.80	Keo	
		Bình Quý	26.70	Keo	

<i>TT</i>	<i>NĂM</i>	<i>ĐƠN VỊ</i>	<i>DIỆN TÍCH (ha)</i>	<i>CÂY TRỒNG</i>	<i>GHI CHÚ</i>
		Bình Định Bắc	32.30	Keo	
		Bình Định Nam	30.30	Keo	
	Cộng		124.70	Keo	
4	2010	Bình Chánh	3.90	Keo	
		Bình Nam	12.20	Keo	
		Bình Nguyên	5.10	Keo	
		Bình Phú	30.40	Keo	
		Bình Quý	54.50	Keo	
		Bình Định Bắc	18.50	Keo	
		Bình Định Nam	118.10	Keo	
	Cộng		242.70	Keo	
5	2011	Bình Chánh	48.60	Keo	
		Bình Phú	12.80	Keo	
		Bình Quý	25.50	Keo	
		Bình Định Bắc	11.30	Keo	
	Cộng		98.20	Keo	
Tổng cộng			621.000	Keo	

Nguồn: Báo cáo kết quả trồng rừng sản xuất của các xã từ năm 2007 đến 2011- Hạt kiểm lâm Thăng Bình

Diện tích cây keo lai tăng là do các dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất của huyện được các hộ gia đình tham gia hưởng ứng và đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện thu nhập, đa dạng hóa cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Về qui mô sản lượng

Sản lượng cây keo lai có tăng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Về qui mô lao động

Lực lượng lao động được thu hút từ phát triển cây keo lai ở địa phương trong thời gian qua tăng đáng kể. Theo thống kê của Hạt kiểm lâm huyện Thăng Bình, từ năm 2007 đến năm 2010 trên địa bàn huyện có 620 hộ gia đình tham gia trồng keo lai và đã giải quyết hơn 4.000 công lao động, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương một cách đáng kể.

- Về qui mô các hoạt động dịch vụ

Các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển cây keo lai chưa phát triển.

2.2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế

- Về chuyển dịch cơ cấu cây trồng: việc phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện trong những năm qua chưa có những đóng góp đáng kể về chuyển dịch cơ cấu cây trồng của địa phương

2.2.1.3. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Phát triển cây keo lai trong những năm qua trên địa bàn huyện đã góp phần huy động và sử dụng hiệu quả vốn trong nhân dân cũng như phần vốn hỗ trợ từ nhà nước.

Lao động trên địa bàn huyện được thu hút tham gia các dự án phát triển rừng sản xuất trong đó có phát triển diện tích các rừng keo lai một cách hiệu quả.

Khai thác tốt kỹ thuật nuôi trồng trong phát triển cây keo lai. Kỹ thuật nuôi trồng trong phát triển cây keo lai của huyện trong thời qua được thực hiện thông qua trung tâm khuyến nông – khuyến lâm và Hạt kiểm lâm huyện

2.2.1.4. Hiệu quả kinh tế

Hầu hết các rừng keo lai, các sào keo lai trồng tại các xã trên đại bàn huyện đều cho năng suất cao và mang lại lợi nhuận cho các hộ trồng. Tuy nhiên, lợi nhuận thu được thường không cao, đặc biệt là những rừng keo lai được trồng ở những xã vùng xa, vùng cao vì chi phí cho chăm sóc và thu hoạch là rất lớn.

2.2.1.5. Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ

Hầu hết sản phẩm từ phát triển cây keo lai trong thời gian qua là phục vụ cho các nhà máy chế biến nguyên liệu giấy, gỗ dân dụng là chính. Các sản phẩm khác như dăm gỗ xuất khẩu, gỗ mỹ nghệ, ván ép,... chưa được đầu tư khai thác tốt.

Thực tế hiện nay cho thấy, Keo lai thu hoạch trên địa bàn huyện không được tiêu thụ trên địa bàn huyện mà chủ yếu là phục vụ cho các nhà máy chế biến nguyên liệu giấy, gỗ Vinachip ở Đà Nẵng, nhà máy chế biến nguyên liệu giấy ở Chu Lai, Quảng Ngãi, Huế, ...

2.2.2. Thực trạng phát triển cây keo lai về mặt xã hội

2.2.2.1. Giải quyết việc làm

Việc phát triển cây keo lai trên đại bàn huyện thời gian qua đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương khá hiệu quả.

2.2.2.2. Thực hiện công bằng xã hội

Phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã có những đóng góp nhất định đối với việc thực hiện công bằng xã hội.

2.2.2.3. Tăng thu nhập

Việc phát triển cây keo lai trong thời gian qua trên địa bàn huyện đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống của các hộ gia đình, đặc biệt là các hộ gia đình thuộc các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa của huyện.

2.2.2.4. Xóa đói, giảm nghèo

Phát triển cây keo lai trong những năm qua đã có những tác động nhất định đối với công tác xóa đói, giảm nghèo của địa phương. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo chưa giảm nhiều.

2.2.3. Thực trạng phát triển cây keo lai về mặt môi trường

Việc phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện đã có những tác động tích cực trong việc cải thiện môi trường, cải tạo đất và bảo vệ nguồn nước.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển cây keo lai

2.3.1. Những thành công trong phát triển cây keo lai

Nhìn một cách tổng thể, việc phát triển cây keo lai cũng đã đạt được một số thành công nhất định: diện tích trồng cây keo lai có gia tăng, giải quyết được một khối lượng lớn lao động thất nghiệp ở các xã miền núi của huyện,...

2.3.2. Những tồn tại trong phát triển cây keo lai

Phát triển cây keo lai chưa tương xứng với qui mô diện tích tự nhiên, diện tích cần phát triển rừng của các địa phương trên địa bàn huyện.

2.3.3. Nguyên nhân của thực trạng phát triển cây keo lai chưa tương xứng với tiềm năng của huyện

2.3.3.1. Nguyên nhân từ qui hoạch

2.3.3.2. Nguyên nhân từ nguồn lực về vốn

2.3.3.3. Nguyên nhân từ yếu tố kỹ thuật

2.3.3.4. Nguyên nhân từ công tác quản lý

2.3.3.5. Nguyên nhân từ yếu tố sản phẩm và thị trường

2.3.3.6. Các nguyên nhân khác

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Vận dụng lý thuyết về phát triển cây công nghiệp để xem xét thực trạng phát triển cây keo lai trên địa bàn nghiên cứu. Qua quá trình thâm nhập thực tế, tác giả đã so sánh, phân tích và đánh giá nội dung phát triển cây keo lai của địa phương so với những vấn đề lý luận đã nghiên cứu. Đồng thời đề tài cũng tập trung đánh giá về những thành công, hạn chế và phân tích các nguyên nhân phát triển cây keo lai chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Kết quả của những vấn đề phân tích ở chương này sẽ là một trong những căn cứ để đề xuất các giải pháp phát triển cây keo lai trong thời gian đến.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY KEO LAI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Những căn cứ để đề xuất các giải pháp

3.1.1. Xuất phát từ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện

3.1.1.1. Chỉ tiêu phát triển chủ yếu của huyện đến năm 2015

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân cả giai đoạn 2011-2015 tăng 16,13% năm. Trong đó, công nghiệp tăng 27%; thương mại-dịch vụ tăng 20%; nông nghiệp tăng 4,5%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2015: thương mại-dịch vụ chiếm 39%; công nghiệp chiếm 35%; nông nghiệp chiếm 26%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm từ 2-3%; giảm tỷ suất sinh thô hằng năm 0,4%0; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 12% vào năm 2015.

3.1.1.2. Về phát triển kinh tế vùng

3.1.2. Quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển cây keo lai

3.1.2.1. Quan điểm chủ đạo về phát triển cây keo lai

Trong những năm qua, có nhiều quan điểm khác nhau về phát triển cây keo lai, nhưng có hai quan điểm chủ đạo như sau: Quan điểm thứ nhất cho rằng phát triển cây keo lai phải tập trung vào phát triển qui mô diện tích để phủ xanh đồi trọc, hướng đến bảo vệ môi trường. Quan điểm thứ hai cho rằng phát triển cây keo lai cần tập trung vào việc khai thác giá trị kinh tế của cây keo lai, giải quyết lao động thất nghiệp ở nông thôn, đẩy mạnh công nghiệp chế biến gỗ dân dụng, nguyên liệu giấy, góp phần cải thiện thu nhập của các hộ gia đình và góp phần xây dựng nông thôn mới.

3.1.2.2. Mục tiêu chủ yếu về phát triển cây keo lai của huyện

Phát triển cây keo lai đến năm 2020 phải chiếm trên 50% tổng diện tích rừng sản xuất của huyện.

Phát triển cây keo lai đến năm 2020 phải đóng góp ít nhất 5% vào GDP của huyện.

Đến năm 2020, giảm 80% các hộ nghèo ở các xã miền núi từ phát triển cây keo lai.

3.1.2.3. Phương hướng phát triển cây keo lai của huyện

- Phát triển cây keo lai gắn liền với việc phát triển các dự án trồng rừng sản xuất, rừng thương mại ở những khu vực có điều kiện phù hợp;

- Xây dựng các hợp tác xã làm đầu mối nhận trồng và tiêu thụ sản phẩm và phát triển các dịch vụ phục vụ cho sự phát triển cây keo lai;

- Khai thác tốt quỹ đất hiện có để gia tăng diện tích cây keo lai một cách có hiệu quả và đạt năng suất cao;

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của cây keo lai so với các cây trồng có giá trị kinh tế khác;

- Phát triển cây keo lai phải gắn liền với công tác quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái trên đại bàn huyện.

3.1.3. Xuất phát từ những lợi thế và thách thức về phát triển cây keo lai của huyện trong thời gian tới

3.1.3.1 Những lợi thế

Trong giai đoạn từ năm 2011- 2015 còn 450 ha diện tích đất trồng đã phê duyệt để phát triển rừng sản xuất.

Huyện Thăng Bình nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Nam, có trục quốc lộ 1A, 14E chạy qua thuận lợi cho việc giao thông vận chuyển, có nhà máy thu mua nguyên liệu giấy, gỗ Vinachip ở Đà Nẵng, nhà máy nguyên liệu giấy ở Chu Lai, Quảng Ngãi, Huế thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm.

3.1.3.2. Những thách thức

3.2. Các giải pháp chủ yếu phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện

3.2.1. Nhóm giải pháp để phát triển cây keo lai về kinh tế

3.2.1.1. Hoàn thiện qui hoạch phát triển cây keo lai

Thứ nhất là đánh giá các yếu tố cơ bản tác động đến phát triển cây keo lai. Các yếu tố cơ bản tác động đến việc phát triển cây keo lai có thể kể đến như: điều kiện tự nhiên (đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu,..), điều kiện kinh tế xã hội (cơ sở hạ tầng kỹ thuật, qui mô dân số, lực lượng lao động, cơ cấu sử dụng đất, các vấn đề kinh tế - xã hội khác)

Thứ hai là cần đánh giá lại hiện trạng phát triển cây keo lai (hiện trạng trồng cây keo lai, lao động trồng cây keo lai, tổ chức quản lý trồng cây keo lai, chủ trương chính sách trong phát triển cây keo lai, công nghệ, thị trường, hiệu quả phát triển cây keo lai)

Thứ ba là dự báo các điều kiện phát triển cây keo lai

Thứ tư là qui hoạch phát triển cây keo lai

- Định hướng chiến lược phát triển cây keo lai đến năm 2030

- Quan điểm, phương hướng và mục tiêu quy hoạch đến năm 2020

- Quy hoạch phân bố lực lượng sản xuất theo phương án lựa chọn từ những phương án khác nhau

- Đảm bảo các yếu tố đầu vào, đầu ra cho phát triển cây keo lai

- Tính toán nhu cầu về vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư.

Thứ năm là trên cơ sở đánh giá và xác định những vấn đề trọng tâm của qui hoạch tổng thể sẽ hướng đến các giải pháp phát triển cây keo lai.

Thứ sáu thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trong phát triển cây keo lai.

3.2.1.2. Thực hiện tốt công tác huy động vốn cho phát triển cây keo lai

- Cần cải tiến cơ chế cấp vốn hỗ trợ, khắc phục tình trạng cấp vốn chậm trễ, đơn giản hóa thủ tục cấp vốn cũng như các thủ tục thanh toán bởi đối tượng được cấp vốn đa số là các hộ gia đình nên trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng trong vấn đề tiếp nhận và thực hiện các thủ tục theo qui định còn rất nhiều hạn chế.

- Bên cạnh nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, cần tăng cường các giải pháp nhằm huy động nguồn vốn của nhân dân tham gia vào các dự án trồng rừng sản xuất.

3.2.1.3. Nâng cao chất lượng lao động cho phát triển cây keo lai

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật cho đội ngũ lao động địa phương nhằm phát huy tinh thần lao động cần cù, phát huy kinh nghiệm trong trồng rừng, quản lý và bảo vệ rừng.

- Đặc biệt quan tâm đến đội ngũ lao động ở các xã miền núi, vùng khó khăn.

3.2.1.4. Tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng cho phát triển cây keo lai

Tăng cường cơ sở hạ tầng sẽ giúp giảm chi phí vận chuyển và tiết kiệm được nhiều khoản chi phí khác, nhờ vậy sẽ nâng cao hiệu quả của phát triển cây keo lai.

Lãnh đạo huyện tham mưu và đề xuất lãnh đạo tỉnh và trung ương phê duyệt và hỗ trợ vốn trong xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, công nghiệp và phát triển cây keo lai.

3.2.1.5. Nâng cao chất lượng cây giống, đảm bảo qui trình nuôi trồng trong phát triển cây keo lai

3.2.1.6. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển cây keo lai

- Lựa chọn và cải tiến công nghệ nhân giống cây con bằng cách giâm hom hiện đại của các nước như Australia và một số nước Đông Nam Á để đưa vào vườn ươm cho việc phát triển cây giống một cách hiệu quả hơn

- Hướng đến việc nghiên cứu công nghệ để lai tạo ra những giống keo có sức chống chịu với những điều kiện tự nhiên, khí hậu bất lợi.

- Đầu tư nghiên cứu và cập nhật công nghệ hiện đại của thế giới trong khai thác và chế biến sản phẩm từ gỗ keo để khai thác hết tiềm năng giá trị kinh tế của cây keo lai.

3.2.1.7. Cải tiến công tác khai thác, chế biến cây keo lai

- Hướng dẫn đến việc khai thác sản phẩm keo lai phục vụ xuất khẩu;

- Đẩy mạnh khai thác sản phẩm keo lai đáp ứng nhu cầu gỗ mộc địa phương, gỗ phục vụ xây dựng, mỹ nghệ.

- Nâng cao hiệu quả sản phẩm keo lai đáp ứng nhu cầu của các nhà máy chế biến.

- Hướng đến việc xây dựng các nhà máy chế biến trên địa bàn huyện một cách thích hợp.

- Đầu tư phát triển các cơ sở mộc trên địa bàn huyện, các cơ sở chế biến ván ép.

3.2.1.8. Tạo thị trường tiêu thụ ổn định cho sản phẩm cây keo lai

- Cần tiếp tục khai thác tốt địa thế thuận lợi của huyện – nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Nam, có trục quốc lộ 1A, 14E chạy qua, rất thuận lợi cho việc vận chuyển lâm sản. Bên cạnh đó, ở Chu Lai và Đà Nẵng, Huế đều có các nhà máy chế biến nguyên liệu giấy là thị trường tiêu thụ lớn đối với sản phẩm keo lai của huyện Thăng Bình.

- Đẩy mạnh việc mở rộng thị trường xuất khẩu cho sản phẩm từ gỗ keo lai, hướng đến các thị trường lớn như: thị trường các nước ASEAN, thị trường Mỹ, EU,... có như vậy mới mang lại giá trị cao cho cây keo lai.

- Bên cạnh quan tâm đến thị trường xuất khẩu và các nhà máy chế biến nguyên liệu giấy nêu trên thì cũng cần khai thác tốt thị trường tiêu thụ gỗ dân dụng trong nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và cả nước nói chung, thị trường về củi đốt trong công nghiệp đốt lò, gỗ trụ mỏ,... chính là các giải pháp thị trường cho sản phẩm keo lai trên địa bàn huyện.

3.2.1.9. Tăng cường công tác quản lý cho phát triển cây keo lai

3.2.2. Giải pháp để phát triển cây keo lai về xã hội

- Phát triển cây keo lai kết hợp với các dự án xóa đói, giảm nghèo

- Tăng cường giải quyết tình trạng thất nghiệp, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương bằng cách xây dựng khu liên hiệp các cơ sở chế biến sản phẩm từ cây keo lai.

- Nâng cao chất lượng của hệ thống y tế - chăm sóc sức khỏe để đảm bảo sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện.

- Nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục đào tạo trên địa bàn huyện để đảm bảo con em của mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển cây keo lai đều được học tập và phát triển trong điều kiện tốt nhất

3.2.3. Giải pháp để phát triển cây keo lai về môi trường

- Tăng cường công tác ứng phó với tình hình thiên tai, bão lũ

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với các cơ sở chế biến gây ô nhiễm môi trường

- Nâng cao ý thức cho người dân về trồng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hiệu quả.

- Tăng cường giáo dục cho thế hệ trẻ ý thức về bảo vệ môi trường sống.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở những phân tích ở chương 2 về thực trạng phát triển cây keo lai, đồng thời xem xét đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như mục tiêu, quan điểm và phương hướng phát triển cây keo lai của huyện, kết hợp với đánh giá về lợi thế, thách thức trong phát triển cây keo lai, tác giả đã đề xuất 3 nhóm giải pháp phát triển cây keo lai đối với địa phương trong thời gian đến theo nội dung phát triển cây công nghiệp. Đó là các giải pháp để phát triển cây keo lai về kinh tế; các giải pháp để phát triển cây keo lai về xã hội, các giải pháp để phát triển cây keo lai về môi trường. Trong đó, tập trung các giải pháp để phát triển cây keo lai về kinh tế.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam có thể xem là một chương trình phát triển kinh tế xã hội và môi trường của huyện, có ý nghĩa quan trọng đến việc nâng cao đời sống nhân dân, đặc biệt đối với các hộ gia đình thuộc các xã miền núi có kinh tế khó khăn.

Phát triển tốt cây keo lai trên địa bàn huyện sẽ góp phần to lớn làm thay đổi cơ cấu ngành trong lĩnh vực lâm nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, ổn định đời sống, bảo đảm quốc phòng, an ninh, môi trường trên địa bàn huyện.

Phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện sẽ nâng cao ý thức và khuyến khích nhân dân tích cực tham gia công tác trồng, quản lý và bảo vệ rừng, tạo điều kiện phát triển rừng sản xuất trên địa bàn huyện.

Tóm lại, phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện Thăng Bình sẽ góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng tích cực, hợp lý. Đồng thời góp phần đẩy mạnh chương trình phát triển nông thôn mới, thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX đặt ra – là một nhu cầu thiết thực của địa phương.

2. Kiến nghị

- Đối với cấp tỉnh:

+ Quan tâm đến việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh, huyện.

+ Chỉ đạo cải cách thủ tục liên quan đến hỗ trợ vốn đầu tư trồng rừng đối với các hộ gia đình tham gia trồng rừng sản xuất.

+ Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan đến giao thông vận tải trên các tuyến đường thuộc các xã miền núi của huyện.

+ Có cơ chế hỗ trợ vốn vay sản xuất đối với các hộ gia đình tham gia các dự án trồng rừng sản xuất một cách hiệu quả.

- Đối với cấp huyện:

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh, huyện.

+ Tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển cây keo lai trên địa bàn huyện.

+ Quy hoạch các cơ sở chế biến gỗ

+ Khuyến khích thành lập các hợp tác xã trồng, thu mua và chế biến keo trên địa bàn huyện.

+ Đẩy mạnh chỉ đạo công tác khuyến nông – khuyến lâm

+ Xúc tiến công tác mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm từ gỗ keo
